TOÀ ÁN NHÂNDÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-3-2018
"V/v: ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Liên;

Bà Nguyễn Minh Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách: Bà Nguyễn Thị Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, về việc: "Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh ngày 1993;
HKTT: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;
Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương - (vắng mặt).
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Kim C, sinh năm 1982;
HKTT: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;
Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 4, trại giam T, tỉnh Thanh Hóa
- *Người làm chứng*:

1- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 - (vắng mặt).
HKTT: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

2- Bà Bùi Thị L, sinh năm 1967 - (vắng mặt).

Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2017 cùng các bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Kim C tự nguyện kết hôn tại UBND xã H vào ngày 25/01/2015 (Giấy đăng ký số 04 ngày 25/01/2015). Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C nghiện ma túy nên nhiều lần phải vay tiền, cắm xe máy để có tiền sử dụng ma túy. Chị khuyên anh thì anh lại đánh, chửi chị. Ngày 25/9/2015, do chán nản nên chị phải bỏ về nhà đẻ chị, sau đó được gia đình chị động viên nên ngày 27/10/2015 chị quay về muốn cho anh sửa sai để vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc. Tuy nhiên, anh vẫn không chịu thay đổi, vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Khoảng cuối tháng 3 năm 2017, chị xác định không thể sống chung cùng anh C được nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sống. Tháng 4/2017, anh C bị bắt về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đã bị Tòa án xét xử và phải đi chấp hành án tù, từ đó chị cũng không thăm gặp anh. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về quan hệ con chung, tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại trại giam T ngày 10/01/2018, anh Nguyễn Kim C trình bày: Anh và chị Lê Thị N tự nguyên kết hôn như chị N trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng anh vẫn sống hạnh phúc không có mâu thuẫn. Anh không đánh, chửi chị N. Anh cũng không cắm xe để lấy tiền mua ma túy, mà chỉ 01 lần cắm điện thoại để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Từ khi anh bị bắt về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" chị N không đến thăm anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị N xin ly hôn anh không đồng ý, còn chị N vẫn xin ly hôn thì anh tôn trọng ý kiến của chị.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng anh có 01 xe máy wave α, anh đề nghị để chị sử dụng không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh C đề nghị: Anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh không thể có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa. Vì vậy, anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh C trình bày: Quá trình anh C và chị N chung sống tại gia đình bà có cãi nhau hay không bà không biết. Còn nguyên nhân anh C và chị N mâu thuẫn là do anh C chơi bời, nghiện hút, có cắm ký tài sản. Gia đình bà

cũng khuyên nhiều nhưng anh C không nghe. Trước ngày anh C bị bắt khoảng 04 ngày thì chị N đã bỏ nhà đi, anh C điện thoại tìm nhưng không thấy chị. Nay anh chị ấy có chung sống được với nhau hay không do anh chị quyết định. Chị N và anh C không có con chung và tài sản chung.

Ý kiến của bà Bùi Thị L là mẹ đẻ chị N: Chị N với anh C chung sống hạnh phúc được 01 năm thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C nghiệm ma túy nên vợ chồng thường cãi nhau, có lần chị N bỏ về gia đình bà ở 01 tháng nhưng gia đình bà khuyên nên chị N lại về đoàn tụ với anh C. Tuy nhiên do anh C vẫn chơi bời nên trước ngày anh C bị bắt khoảng 01 tuần chị N đã về gia đình bà sống. Nay chị N đã xác định không thể sống chung với anh C, bà cũng đề nghị Tòa án cho chị N ly hôn anh Cư. Chị N và anh C không có con chung và tài sản chung.

Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa, ngày 07/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của chị N. Quan điểm của chị N vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn anh C. Vợ chồng chị không có con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Vì chị phải đi làm xa nên không thể đến phiên tòa được, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh C và chị N là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, tài sản chung, nguyên, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Kim C đều có đơn xin xét xử vắng. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị N và anh C.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Kim C kết hôn tuân thủ các điều kiện về kết hôn theo quy định của Luận Hôn nhân và gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn do anh C chơi bời, nghiện hút ma túy, đã nhiều lần cắm ký tài sản để lấy tiền tiêu sài . Mẹ anh C và gia đình chị N cũng như chị N đã khuyên can anh nhiều, nhưng không có kết quả. Tháng 4/2017 anh C đã bị bắt và hiện đang phải chấp hành hình phạt tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Từ khi anh đi chấp hành hình phạt đến nay chị Ngoan cũng không đi thăm gặp anh. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin đoàn tụ chị không chấp nhận, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh và chị đã trầm trọng mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N.

[3] *Về quan hệ con chung, về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Nguyên, bị đơn không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí:* Chị Lê Thị N xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị N ly hôn anh Nguyễn Kim C.

2. *Về án phí*: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự được đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp

tại biên lai số AA/2016/000 2120 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Chị Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Kim C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã Hồng Phong, H. Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Thị Liên